

THE TRUTHFULNESS - GOODNESS - BEAUTY IN VIETNAM'S FOLK PAINTINGS

TÍNH CHÂN - THIỆN - MỸ TRONG TRANH DÂN GIAN VIỆT NAM

Nguyễn Đại Thăng
Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: *The article clarifies the origin and birth of Vietnamese folk paintings, through some main lines of paintings such as: Dong Ho, Hang Trong, Kim Hoang, Sinh village, Do The, Hoanh Son and folk painting genres such as: Paintings of congratulation, of religious worship, scenes, activities, satire, history and of comics,... Thereby, the article presents and analyzes the Truthfulness - Goodness - Beauty in folk paintings of Vietnam.*

Keywords: *Origin, birth, The Truthfulness - Goodness - Beauty in Vietnam's folk paintings.*

TÓM TẮT: *Bài viết khái quát nguồn gốc và sự ra đời của tranh dân gian Việt Nam, qua một số dòng tranh chính như: Đông Hồ, Hàng Trống, Kim Hoàng, Làng Sinh, Đồ Thê, Hoành Sơn và các thể loại tranh dân gian như: Tranh chúc tụng, tôn giáo thờ cúng, cảnh vật, sinh hoạt, châm biếm đả kích, lịch sử và tranh truyện,... Qua đó, nêu và phân tích được tính Chân - Thiện - Mỹ trong tranh dân gian Việt Nam.*

Từ khóa: *Nguồn gốc, sự ra đời, tính Chân - Thiện - Mỹ trong tranh dân gian Việt Nam.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong kho tàng mỹ thuật cổ Việt Nam có một mảng tranh rất quý giá còn lưu truyền cho đến ngày nay. Đó là tranh dân gian. Tranh được sản xuất ở nhiều vùng khác nhau trên khắp đất nước ta từ Bắc đến Nam. Cũng chính vì thế nên có nhiều dòng tranh khác nhau, rất đa dạng về nội dung cũng như cách thể hiện. Nhưng dù ở đâu, tranh dân gian cũng biểu hiện trí tuệ tạo hình của tập thể một dòng họ, một làng xã, một vùng miền. Vì vậy, dù ở đâu nội dung tranh cũng nói lên những điều người dân khao khát, mong chờ, mơ ước, thoả mãn nhu cầu của họ về nhiều mặt trong cuộc sống thực tế cũng như trong đời sống tâm linh.

Cho dù có nhiều hình thức thể hiện khác nhau, song giữa các dòng tranh dân gian có một điểm chung: Đó là tính Chân - Thiện - Mỹ trong tranh được thể hiện đơn giản, dễ hiểu và dễ đi vào lòng người

thường thức. Với cuộc sống hiện đại, có thể một số bức tranh không còn phù hợp. Song không vì thế tranh dân gian không tồn tại. Trái lại tranh dân gian vẫn chinh phục được đông đảo công chúng yêu nghệ thuật không những trong nước mà cả khách nước ngoài.

Nghiên cứu tính Chân - Thiện - Mỹ trong tranh dân gian cũng giúp chúng ta tìm hiểu cách tạo hình, chất liệu được sử dụng để vẽ tranh dân gian của các nghệ nhân dân gian xưa. Thấy được cái hay, cái đẹp, cái giỏi của các nghệ nhân và tranh dân gian xưa, chúng ta càng tự hào về truyền thống nghệ thuật của ông cha ta, tạo cơ sở để chúng ta có thể sáng tạo nhiều tác phẩm mỹ thuật vừa hiện đại vừa đậm chất dân tộc.

2. NỘI DUNG

2.1. Nguồn gốc và sự ra đời của tranh dân gian, một số dòng tranh chính và các thể loại tranh dân gian Việt Nam.

2.1.1. Nguồn gốc và sự ra đời của tranh

dân gian Việt Nam

Tranh dân gian là một thể loại tranh ra đời từ rất lâu, được truyền từ đời này qua đời khác và đến tận ngày nay. Tranh được sáng tạo ra nhờ trí tuệ của tập thể, của nhân dân và gồm nhiều thể loại, trong đó có thể kể đến hai thể loại chính đó là: tranh tết và tranh thờ. Đến ngày nay, khi xem các tập tranh dân gian do Nhà xuất bản Mỹ thuật, hay do chính các nghệ nhân ở làng tranh Đông Hồ giới thiệu chúng ta thấy tranh dân gian có nội dung phong phú. Mỗi nội dung được biểu hiện trong một thể loại tranh dân gian. Để tìm nguồn gốc và thời điểm ra đời của tranh dân gian, nhiều nhà nghiên cứu mỹ thuật đã đưa ra nhiều phỏng đoán khác nhau, dựa trên nhiều căn cứ: văn, thơ, sử sách... Mỗi dự đoán đều có cơ sở lý luận và sự lập luận xác đáng. Nguồn gốc ra đời của nó còn có nhiều lý giải, nhất là niên đại. Căn cứ vào lịch sử và thư tịch cổ, ta có thể khái quát về quá trình hình thành và phát triển của tranh dân gian Việt Nam như sau: Việc khắc ván in chữ ở nước ta có từ thời nhà Lý, nhưng chưa có một cứ liệu nào là đã có in tranh, mặc dù từ khắc ván in chữ chuyển sang khắc ván in tranh là một việc làm có thể thực hiện được. Vào năm 1396, cuối thời Trần, Hồ Quý Ly cho phát hành tiền giấy mà ký hiệu để phân biệt mệnh giá là những hình kỹ thuật khắc ván in phải tinh tế, số lượng in phải nhiều và chính xác. Do đó, khả năng phổ biến rộng rãi của tranh khắc gỗ dân gian không còn nghi ngờ nữa.

Mặc dù không xác định được niên đại chính xác nhưng chúng ta đều biết rằng một trong những mảng tranh dân gian là tranh Tết. Vậy thì những bức tranh Tết phải được sáng tác để phục vụ nhu cầu tranh trong ngày tết cho mọi tầng lớp trong xã hội. Đó là một cơ sở giúp chúng ta tìm hiểu sự ra đời

của tranh dân gian. Mặt khác, dân tộc ta có truyền thống tín ngưỡng lâu đời: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ đạo Mẫu, thờ các vị thần linh... Vì vậy, tranh dân gian còn được ra đời từ nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng. Tranh dân gian là một phần quan trọng trong toàn bộ nền văn hóa dân tộc, ở đó thể hiện những nét độc đáo trong sinh hoạt, vui chơi, lễ hội và truyền thống dân tộc... Dòng nghệ thuật dân gian do chính những người dân sáng tạo ra, mang theo những nội dung người dân yêu thích và được thể hiện bằng ngôn ngữ dễ hiểu, đơn giản.

2.1.2. Một số dòng tranh chính (dân tộc Kinh)

Tranh dân gian được sản xuất ở nhiều vùng khác nhau trong cả nước: Ở miền Bắc có tranh dân gian Đông Hồ (Bắc Ninh); tranh dân gian Hàng Trống (Hà Nội); tranh Kim Hoàng (Hà Tây). Miền Trung có tranh sản xuất ở Nam Hoàng (Nghệ An); tranh Làng Sinh (Thừa Thiên - Huế). Một số vùng ở Nam Bộ cũng sản xuất tranh thờ, chủ yếu là của dân tộc Kinh, thông qua thể loại đồ họa. Ngoài ra, trên các vùng núi còn có tranh vẽ tay của các dân tộc như Tày, Nùng, Dao, Cao Lan... phục vụ mục đích tôn giáo, thờ cúng là chủ yếu.

a. Tranh dân gian Đông Hồ

Đông Hồ còn có tên chữ là Đông Mái thuộc xã Long Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, cách Hà Nội 40km. Đây là một vùng quê trù phú, đời sống văn hoá cao, nhiều lễ hội đặc sắc. Tạo nên cái nôi cho một dòng tranh chân quê, đậm chất dân gian.

Tranh Đông Hồ thuộc dòng tranh của người dân lao động, được sản xuất trong những lúc nông nhàn, đặc biệt là vào những tháng giáp Tết. Vì vậy, tranh Đông Hồ được gọi là tranh Tết hoặc tranh điệp. Giấy để in

tranh là giấy dó được sản xuất ở Đông Cảo (Bắc Ninh) và vùng Bưởi (Hà Nội), giấy được hồ điệp tạo sự óng ánh và có thể quét thêm một lớp nước hoa hoè vàng chanh hay gỗ màu đỏ cam. Trên nền giấy ấy, lần lượt in các mảng màu cạnh nhau hoặc chồng lên nhau được giới hạn bằng nét đen in sau cùng. Ván in tranh có hai loại: Ván dùng in nét, thường dùng gỗ Thị hay Lòng Mực vừa mềm vừa dai để tránh đứt gãy khi đục và in, ván in mảng thường dùng gỗ Vàng Tâm, gỗ Dổi để bắt màu và tạo độ xốp cho tranh. Màu ở tranh Đông Hồ thường được chế tạo từ các chất trong thiên nhiên như: màu đỏ lấy ở đá đỏ son rồi tán mịn, màu lục lấy từ lá tràm, màu vàng lấy từ hoa hòe, màu cam lấy từ vông vang, màu đen lấy từ than cây xoan... Mặc dù, sử dụng gam màu tương phản vẫn êm dịu, nhẹ nhàng, không sắc sỡ, lòe loẹt. Nét của tranh Đông Hồ chắc, khoẻ, mang tính cách điệu cao, dứt khoát, khái quát được đặc trưng đối tượng. Bố cục tranh theo dạng bình đồ đơn tuyến, không gian ước lệ, không diễn tả xa gần, sáng tối, hình khối của nhân vật. Điểm đặc biệt là trên mỗi tranh Đông Hồ đều có đề thơ vừa giải thích minh hoạ cho bức tranh vừa tạo cân bằng về mặt bố cục. Cách in tranh là lối in ván sắp và in theo dây chuyền. Mỗi người in một màu. Trong tranh có bao nhiêu màu thì có bấy nhiêu bản khắc màu và lần in. Cuối cùng và quan trọng là in nét. Nét in sẽ chặn các mảng màu và định hình cho các hình tượng ở trong tranh. Tranh Đông Hồ đậm chất dân gian về nội dung và tạo hình, được mọi người trong và ngoài nước ưa thích.

b. Tranh dân gian Hàng Trống

Một dòng tranh khác cũng rất nổi tiếng ở Kinh Kỳ và được nhiều người biết đến, đó là dòng tranh dân gian Hàng Trống. Có các tranh như “Tam đa”, “Tứ tôn vạn đại” hay

“Thất đồng”, “Tổ nữ”... là những điều mơ ước, mong muốn của con người. Ngoài mảng tranh Tết, tranh chúc tụng thì ở tranh Hàng Trống nổi bật lên là mảng tranh thờ rất oai nghiêm, đẹp đẽ như các thần tướng Hắc Hổ, Bạch Hổ hay Ngũ Hổ... Tranh Hàng Trống cũng là một dòng tranh có từ rất sớm, khoảng cuối thế kỷ XVII, phát triển ở phố Hàng Trống, Hàng Nón, Hàng Hòm, Hàng Quạt (Hà Nội) trong đó có dòng họ Lê Văn nổi tiếng. Tranh Hàng Trống in nét đen trước trên giấy xuyên chỉ hoặc giấy báo sau này, màu tô bằng bút lông mềm. Do đó tạo ra được sự đậm nhạt, vờn bóng, tả khối. Màu sắc thường dùng hoá phẩm nhập ngoại nên rực rỡ và có phần lòe loẹt. Nét vẽ tỉ mỉ, thanh mảnh, cách điệu hình tinh vi và phong phú trong rất nhiều khuôn khổ tranh. Khuynh hướng tranh trực quyền phương Đông được sử dụng mạnh mẽ nhằm tạo không gian có nhiều mảng trống, gợi cảm, thanh cảnh theo thị hiếu của thị dân và quý phái. Bố cục tranh Hàng Trống thường trên một trục dọc, các cảnh nhìn từ trên xuống, từ phải sang trái, có nhiều nét bình đồ, phẳng và diễn hình trên mặt phẳng nghiêng gãy khúc. Tranh dân gian Hàng Trống phục vụ chủ yếu là thị dân nên tranh có vẻ đẹp nhẹ nhàng, tinh tế, thanh lịch phù hợp với thị hiếu của người dân kinh kỳ.

c. Tranh dân gian Kim Hoàng

Dòng tranh Kim Hoàng thuộc huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây, phát triển từ thế kỷ XVIII-XIX. Sự hợp nhất hai làng Kim Bảng và Hoàng Bảng thành Kim Hoàng vào ngày 3 tháng 2 năm Chính Hoà 22 (1701) có lẽ bắt đầu nghề in trong làng. Tranh Kim Hoàng thường in trên giấy hồng điều vì thế thường gọi là tranh đỏ. Người Kim Hoàng làm tranh từ rằm tháng 11 cho đến giáp Tết. Sau ngày cúng tổ nghề phát

cho các gia đình in, trong quá trình in tranh họ trao đổi cho nhau, hết mùa in tranh họ lại giao ván cho chủ phường cất giữ. Tranh được in nét đen trước giống Hàng Trống, sau đó dựa vào hình mà tô màu: gam màu chủ yếu là đen, trắng, xanh, đỏ, lục, chàm, tím, cánh sen, đỏ, vàng... tranh Kim Hoàng vẽ tay nên tốn công, số lượng không được nhiều, phục vụ tết là chủ yếu, thoả mãn ước vọng hạnh phúc của công chúng.

d. Tranh dân gian Làng Sinh

Làng Sinh tên chữ là Lại ân thuộc huyện Hương Phú, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tranh Sinh đều là tranh thờ cúng,... phục vụ tín ngưỡng đa thần của người Việt cổ trước một thiên nhiên thần bí và linh dị. Tranh có thể quy về mấy bộ chính: Bộ tranh cúng gia tiên để xua đuổi tà ma, cầu cho người yên vật thịnh (táo quân, tiên sư, thổ công, khí dụng, cung tên, tiên đồng, hổ trắng, hổ vàng, ngựa, trâu, heo); bộ tranh cúng thể mạng vẽ các hình người lớn trẻ em được gọi là các con ảnh mà người xưa tin rằng sẽ thay người chịu mọi tai ách, bộ tranh cúng bản mệnh phụ nữ gồm tượng bà, diêm vương, mẫu thoải, ngũ vị hoàng tử, tam vị phạm tính,... Tranh được in nét đen có khi điểm màu bằng tay, do đó xét về giá trị nghệ thuật không cao lắm, nó là một dạng tranh đồ thể tín ngưỡng.

e. Tranh dân gian Đồ Thê

Ở Nam Bộ, vùng Tây Ninh, An Giang có một loại tranh khắc gỗ dân gian được gọi là Đồ Thê, giống như tranh làng Sinh ở Thừa Thiên - Huế, nhân dân mua về để cúng dâng sao, giải hạn sau đó thì đốt đi. Đồ Thê là những tranh có khuôn khổ nhỏ chỉ in nét đen trên giấy đỏ, tạo thành hình đơn giản, bố cục rải đều mặt tranh, có khi mỗi tranh một hình cũng có khi nhiều hình. Những hình vẽ phần lớn là các nữ thần như Thánh

Mẫu Thiên Phủ (Công chúa Liễu Hạnh), Thánh Mẫu Thượng Ngàn, Thánh Mẫu Thượng Thoải và tiên đồng, ngọc nữ, thập nhị thần (12 con giáp). Cùng với hình vẽ các vị thần là hình vẽ về con người cùng với phương tiện sinh sống như nhà, thuyền, võng, gương, lược, quạt, dao, bát, bình và các vũ khí như gươm, đao, kích, giáo, mác, rìu, cung v.v..

f. Tranh dân gian Hoành Sơn.

Làng Hoành Sơn thuộc xã Nam Hoành huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An có nghề khắc ván, in tranh bán trong dịp tết. Đề tài của tranh thường có: gà, lợn, tiền tài, tiền lộc, huyền đàn bát quái, thân độc cước v.v.. những tranh này gần giống với tranh Đông Hồ được in trên giấy đỏ đã quét các màu vàng, đỏ hoặc trắng, nhưng chỉ in nét đen hoặc màu đỏ son. Tranh Hoành Sơn chỉ cải tiến kỹ thuật tranh Đông Hồ cho hợp với hoàn cảnh, tập tục của địa phương.

2.1.3. Các thể loại tranh dân gian Việt Nam

a. Tranh chúc tụng

Nội dung của tranh nói lên những ước mơ, khát vọng hạnh phúc của mọi tầng lớp trong xã hội. Đồng thời cũng thể hiện một quan niệm, một tục lệ của người Việt. Theo phong tục cổ truyền Việt Nam hàng năm mỗi dịp tết đến xuân về trong tư tưởng, tâm lý mọi người đều mong mỏi làm sao cho năm mới tới họ sẽ bình an, sức khỏe, làm ăn phát đạt. Ở thể loại này, các nghệ nhân thường dùng phương pháp tượng trưng, mượn các hình ảnh thực tế để biểu hiện các ý tưởng. Đơn giản nhất là các câu đối Tết. Tranh chúc tết hết sức phong phú, bao gồm tranh chữ: Phúc - Lộc - Thọ - Tâm - Nhân - Đức... đến các bức tranh mang nội dung nhất định như: Đại cát - Nghinh xuân - Vinh hoa - Phú quý, Gà đàn, Lợn đàn, Gà thư

hùng (tranh Đông Hồ), Thất đồng, Tử tôn vạn đại, Tam đa... (tranh Hàng Trống)

b. Tranh tôn giáo, thờ cúng

Nước ta cũng như các nước nông nghiệp lúa nước khác, trong quá trình đấu tranh, chinh phục thiên nhiên, người dân thường co nhiều ý niệm rõ rệt về ý nghĩa con người. Do đó nảy sinh nhiều tôn giáo, tín ngưỡng, đặc biệt là tín ngưỡng đa thần rất phổ biến ở các nước Nam á. Những hình thái tín ngưỡng cổ sơ đó phần lớn được phản ánh trong tranh tượng thời cổ và tranh tết dân gian, mặt khác các chế độ phong kiến triệt để lợi dụng mặt tiêu cực của tranh, tượng để mê hoặc nhân dân, truyền bá tư tưởng trật tự xã hội phục vụ quyền lợi của giai cấp thống trị. Tranh thờ cúng trong ngày Tết gồm có: Táo Quân, Thổ Công, Tiên Sư Vị; tranh trừ tà, ma quỷ: Vũ binh, Thiên ất, Tử Vi Trấn Bạch, Huyền Đàn Trấn Môn, Thập Điện Diêm Vương, Ngũ Hồ, Tứ Phủ, Tam Phủ; tranh thờ thần linh: Tranh Thánh Mẫu Thượng Thiên, Thánh Mẫu Thượng Ngàn, Thánh Mẫu Thoải, Ngũ Vị Hoàng Tử.

c. Tranh lịch sử

Bằng hình ảnh cô động giản dị, các nghệ sỹ dân gian đã làm sống lại những trang sử dựng nước và giữ nước oai hùng của dân tộc. Các truyền thuyết Âu Cơ - Lạc Long Quân, An Dương Vương xây thành Cổ Loa, các anh hùng có công với nước như: Hai Bà Trưng, bà Triệu, Lê Lợi v.v... đều được thể hiện với lòng tôn kính, ngưỡng mộ, các nhân vật trong các tác phẩm văn học cổ dân tộc như: Phạm Công Cúc Hoa, Truyện Kiều, Lục Vân Tiên, Bích Cầu Kỳ Ngộ, Nhị Độ Mai,... Thông qua nghệ thuật biểu hiện bằng hình vẽ, màu sắc cùng cách sắp xếp bố cục, các nghệ nhân đã làm nổi bật chủ đề tư tưởng cùng quan điểm

của nhân dân. Họ phân biệt dứt khoát giữa chính nghĩa và phi nghĩa bằng hình ảnh trong sáng, giản dị, dễ hiểu, tạo ra hai cảnh đối lập trên tranh.

d. Tranh truyện

Tranh truyện cũng là một trong những bộ tứ bình. Tuy vậy, do nội dung của bốn tranh có liên quan và nối tiếp nhau để diễn tả một cốt truyện cụ thể nên mặc dù cũng dưới hình thức một bộ bốn bức tranh, song đặc điểm của nó khác với tranh Tứ quý hay Tứ dân, Tổ nữ... Để giới thiệu các tác phẩm truyện Nôm dài, các nghệ nhân đã chọn ra những cảnh, tình tiết điển hình diễn tả, chuyển tới người xem toàn bộ cốt truyện. Những bức tranh truyện thường bố cục theo hình chữ nhật đứng, mỗi tranh là hai cảnh diễn ra trong nội thất và ngoài trời. Tranh dân gian có nhiều bộ tranh truyện như: tranh truyện: Truyện Kiều Phương Hoa, tranh truyện Trê Cóc,... Tranh truyện không chỉ đơn thuần là giới thiệu hay minh họa cho truyện mà tranh bằng hình thức cô đọng, dễ hiểu sẽ giúp những người không biết chữ tiếp cận với một kho tàng văn học quý giá.

e. Tranh sinh hoạt, tranh cảnh vật

Thể loại tranh này hết sức quan trọng và phong phú, nó phản ánh mọi mặt cuộc sống con người và xã hội, từ lễ hội lao động sản xuất, tình yêu đến các thói hư tật xấu và cảnh vật từ hiện thực khách quan được đưa vào tranh cảnh vật (phong cảnh). Thường ca ngợi những ước mơ cái tốt, phê phán cái xấu, dưới một hình thức dí dỏm, dân dã. Các đề tài quen thuộc như Ngư, Tiều, Canh, Mục, tình yêu nam nữ như: Hứng Dừa, Chơi đu, Đánh ghen, các sinh hoạt xã hội: thầy Đồ cóc, Múa lân, Múa rồng, Đánh vật, các cây cảnh như: Mai, Lan, Cúc, Trúc, được thể hiện rất sinh động,... Trong những

tranh diễn tả nghề nông ta thấy người nông dân làm việc trong cảnh thanh bình, yên ả, không lộ vẻ lam lũ vất vả. Trong các tranh lễ hội thì tung bồng, nhộn nhịp. Đây là một nét độc đáo trong tranh dân gian Việt Nam. Đó là tất cả những gì người dân mong muốn, ước mơ đạt tới.

2.2. Tính Chân - Thiện - Mỹ trong tranh dân gian Việt Nam.

2.2.1. Tính Chân - Thiện - Mỹ trong Mỹ học

Như chúng ta đã biết Chân - Thiện - Mỹ là ba loại giá trị, là sự ngưng tụ những tính chất tinh anh của đời sống con người, là thành quả mồ hôi nước mắt và xương máu của hàng chục vạn năm lịch sử nhân loại, làm nguồn sáng bất diệt, cho mọi học thuyết, mọi tôn giáo, mọi quan hệ tinh thần. Ba nguồn sáng ấy tạo thành một chùm sáng, như ba ngôi sao tạo thành một chùm sao, cùng quan trọng, cùng cần thiết như nhau, không thể thiếu một, không thể tách rời. Cái thật, cái đúng (chân), cái tốt (thiện), cái đẹp (mỹ), thường được xem như ba phẩm chất của một sự việc, một sản phẩm, một con người. Chúng ta có thể hiểu:

“Loại giá trị nào có trước, có sau, cần trước, cần sau đối với con người. Sự liên hệ lẫn nhau, sự xâm nhập và chi phối lẫn nhau giữa ba loại giá trị, có phân biệt ngôi thứ giữa ba loại giá trị không? Mỗi loại loại giá trị được thực hành chủ yếu ở lĩnh vực hoạt động nào trong cuộc sống, ở phần năng lực nào của con người. Và điều dễ tranh cãi: không có giá trị Chân - Thiện - Mỹ duy nhất của chung của nhân loại, mà có giá trị Chân - Thiện - Mỹ của mỗi giai cấp, mỗi dân tộc thậm chí mỗi con người...” [1 tr.24].

Như vậy, khi nói đến giá trị nghệ thuật của một tác phẩm nào hay một dòng tranh nào đó thì chúng ta lại phải hiểu rõ hơn về

cái đẹp và giá trị nghệ thuật. Khác với cái đẹp khách quan tồn tại ngoài cuộc sống, cái đẹp trong nghệ thuật là một sản phẩm đặc biệt do nghệ sỹ sáng tạo ra. Nhưng cái đẹp ngoài cuộc sống và cái đẹp trong nghệ thuật không hề đối lập nhau. Mỗi quan hệ cơ bản của nó là quan hệ giữa cái được phản ánh (cái đẹp ngoài cuộc sống) và cái phản ánh tức nghệ thuật... Nét đặc trưng của cái đẹp trong nghệ thuật là tính điển hình của nó... Đẹp là một lĩnh vực tinh thần, tình cảm. Dù có thể tồn tại dưới dạng vật chất, cái đẹp cũng liên quan đến đời sống tinh thần, tình cảm. Đồng thời đẹp là giá trị: nó là sự đánh giá, thẩm định của con người về bản thân mình.... Tiêu chí cơ bản để đánh giá và cảm thụ cái đẹp là Chân - Thiện - Mỹ, trong biểu hiện phong phú của nó qua tính dân tộc, tính nhân dân, tính giai cấp và tính nhân loại. Yêu cầu: Về sự đúng đắn, tính chân thật của cuộc sống; về tính nhân bản, nhân văn tốt đẹp; về sự hoàn thiện, hoàn mỹ. Tính Chân - Thiện - Mỹ được thể hiện cụ thể trong tranh dân gian Việt Nam mà đại diện tiêu biểu đó là tranh dân gian Đông Hồ và tranh Hàng Trống là gì? Các tiêu chí cho sự đánh giá cái đẹp theo hệ tiêu chí tổng hợp Chân - Thiện - Mỹ như thế nào? Thông qua nét đặc trưng, nét điển hình, mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức đã được nêu trong Mỹ học. Chúng ta sẽ nghiên cứu và phân tích để hiểu rõ hơn.

2.2.2. Tính Chân - Thiện - Mỹ trong tranh dân gian Việt Nam

Thông qua các dòng tranh và thể loại, tính Chân - Thiện - Mỹ trong tranh dân gian đã bộc lộ hết những đề tài, nội dung tranh đề cập tới. Nói một cách chung nhất nội dung của tranh dân gian đã diễn tả con người với cuộc sống như: chúc tụng “Đại cát”, thờ cúng “Ngũ Hồ, Hắc Hồ” sinh hoạt “Hứng

dừa”,... Ngoài ra, tranh dân gian còn thoả mãn nhu cầu tôn giáo tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam. Nội dung tranh còn là lời nhắc nhở mọi người về cách sống lành mạnh, trong sáng; gợi nhớ về công ơn, về những trang sử hào hùng, những người anh hùng trong đấu tranh dựng nước và giữ nước,... Nội dung tranh dân gian rất phong phú. Hình thức thể hiện thì đơn giản nhưng cô đọng và độc đáo. Xem tranh dân gian ta thấy bộc lộ rõ tinh thần lạc quan, yêu cuộc sống mặc dù cuộc sống ấy còn bộn bề, gian khó, vất vả. Qua đó ta thấy yêu con người hơn, tự hào hơn và thấy cuộc sống tươi đẹp hơn. Đồng thời, cũng cho ta thêm tin tưởng và dũng khí để vượt lên khó khăn trong cuộc sống. Đó chính là giá trị nhân văn cao cả thể hiện trong tranh dân gian Việt Nam.

Tranh dân gian có truyền thống lịch sử lâu đời. Đến nay tranh vẫn được yêu thích. Mỗi một tác phẩm là một sự sắp xếp bố cục, đường nét, hình khối. Tất cả sẽ tạo nên sự đa dạng về hình thức thể hiện trong tranh dân gian. Các nghệ nhân đã tìm được cách bộc lộ ý tưởng qua các đề tài mang tính dân gian sâu sắc.

Tranh Đông Hồ có hình to, nền thoáng, có cả chất phóng khoáng của người nông dân nhân hậu. Đường nét to, khoẻ, dứt khoát, hướng người xem vào tình cảm đơn hậu, thoải mái của lớp người nâu sồng “ăn chắc mặc bền”. Tranh Hàng Trống nét khắc tỉ mỉ, cầu kỳ và kiêu cách, hướng tới tình cảm của lớp người thị thành, quý phái. Màu sắc trong tranh dân gian thể hiện được đất nước ta ở nhiệt đới ánh nắng chan hoà, bạt ngàn màu xanh của rừng cây và biển cả. Thụ cảm các màu sắc của thiên nhiên và của tâm lý dân tộc, các nghệ nhân đã đưa lên mặt tranh cả trời, mây, sông, nước, ruộng, đồng v.v. . . một cách sáng tạo và độc đáo.

Tranh Đông Hồ, Kim Hoàng sử dụng màu trong thiên nhiên dù có tương phản cũng dịu êm, rực rỡ mà không loè loẹt. Tranh Hàng Trống, Làng Sinh, Đồ Thê tuy sử dụng màu hoá chất, nhưng các nghệ nhân đã phối hợp màu một cách nhuần nhuyễn, tạo ra sự mềm mại, hài hoà, giản đơn, tiêu biểu có sức truyền cảm mạnh để người xem thụ cảm sâu sắc.

Bố cục của tranh dân gian là sự phân bố hình và màu sắc tạo hình tượng theo tiêu chuẩn "lấy con mắt làm đòn cân", họ tin rằng "thuận mắt ta ra mắt người", cái đẹp ấy sẽ làm cho nhân dân chấp nhận, nó nổi bật trong bố cục tranh Đông Hồ, các dòng tranh khác cũng xoay quanh giá trị ấy, Tranh dân gian Việt Nam không có ý tả hình gây ấn tượng giống như thật, mà lấy hình để gợi ý, đi thẳng vào chủ đề. Trong tranh ánh sáng, không gian, con người và cảnh vật đều được ước lệ hoá, có nghĩa là bố cục theo phối cảnh ước lệ. Bố cục ấy vừa đảm bảo tính cân đối về tỷ lệ trong không gian cho hình vẽ vừa ít lệ thuộc vào khung hình tờ tranh. Dùng chữ để cân bằng hình mảng đó là nét đặc trưng của bố cục tranh dân gian. Với giá trị nội dung và nghệ thuật mang đậm chất dân gian, diễn tả được cái hồn dân tộc, tranh dân gian có sức hấp dẫn đặc biệt và mang tính giáo dục cao. Điều này đã tạo nên sức sống mãnh liệt cho dòng tranh này, để lại trong kho tàng mỹ thuật Việt Nam những tác phẩm vô cùng quý giá.

Đối với tranh dân gian Đông Hồ cũng như tranh Hàng Trống, các nghệ nhân đều không diễn tả chiều sâu không gian. Mọi hình tượng được in, vẽ trên nền tranh một màu. Mặc dù vậy, khi xem tranh chúng ta đều cảm nhận được không gian. Không gian trong tranh dân gian là không gian mang tính ước lệ. Các hình tượng trong

tranh được sắp xếp theo nhiều bố cục rất đặc biệt. Có tranh tuân theo cách bố cục trong các hình tam giác như tranh “Hứng dừa, Đấu vật”, hình chữ nhật như tranh “Gà trống, Gà đàn, Lợn đàn”, hình tròn như tranh “Đánh ghen”, hình trứng như tranh “Vinh hoa, Phú quý”,...

Một cách bố cục khác là theo tầng, lớp. Các nhân vật được dàn trải trên mặt tranh, không hình nào bị che khuất. Đó là tranh có bố cục nhiều nhân vật như tranh “Đám cưới chuột”, được khéo léo tạo ra bởi hai tuyến nhân vật, chuyển động cùng hướng từ trái sang phải, vì vậy bố cục tranh cũng được chia làm hai nửa cân đối bằng nét khúc khuỷu, gập ghềnh. Chính nét đó đã tạo nhịp điệu cho tranh và nó còn quyết định đường hướng, hình và sự trật tự ổn định cho sinh hoạt rước dâu chuột ở dưới. Nét và mảng trong tranh rất phong phú, không những nêu bật được nội dung, chủ đề tư tưởng của tác phẩm mà nó còn gợi khối, tả chất rất giỏi. Một số tranh lại được bố cục theo kiểu tự do. Tuy vậy, dù ở cách nào, các tranh đều được bố cục một cách hợp lý, chặt chẽ giữa các tuyến nhân vật, phong cảnh hoặc các mảng hình phụ trợ. Đặc biệt, trong mảng tranh thờ các nhân vật được bố cục thành nhiều hàng ngang, lớp trên, lớp dưới... Trong các tranh này tỷ lệ các nhân vật tùy thuộc vào địa vị của các nhân vật, do đó thường người có địa vị lớn nhất sẽ có tỷ lệ to nhất và được vẽ ở trên cao nhất, như vậy là trái ngược với luật xa gần. Nhưng khi xem tranh ta vẫn thấy hợp lý. Bởi vì các nghệ nhân đã vẽ theo quan niệm tạo hình thuận tay hay mắt. Nhiều tranh được bố cục theo kiểu dàn tất cả các nhân vật trên tranh song hoàn toàn tự do, không theo một quy luật nào như tranh “Thầy đồ cóc”... Dù bố cục theo kiểu hình gì, các nghệ nhân dân gian

đều có cách sắp xếp các mảng màu theo những đường lượn khác nhau rất phong phú. Vì vậy, tranh dân gian dù chỉ định vẽ với ba, bốn màu nhất định không pha trộn nhưng những đường lượn tạo vẻ chuyển động của từng màu trong tranh đã làm cho tranh không đơn điệu, nhàm chán. Ngược lại, khi xem tranh dân gian ta thấy tranh có màu sắc rất đẹp, rất phong phú, sinh động. Màu nào ra màu ấy như trong tranh dân gian Đông Hồ, hoặc có sự chuyển màu sắc nhẹ nhàng, mềm mại như tranh dân gian Hàng Trống. Nhưng dù ở loại tranh nào, tiêu chuẩn cho màu sắc là phải đậm đà nhưng tươi sáng và phải diễn tả được đúng đối tượng cần thể hiện.

Một số yếu tố nữa trong ngôn ngữ tạo hình là đường nét, hình mảng. Khi xây dựng các hình tượng nhân vật điều đầu tiên được chú ý là dáng, cử chỉ, động tác của nhân vật. Dáng phải động và diễn tả được đúng đặc trưng, tâm trạng, tính cách của nhân vật. Theo quan niệm tạo hình dân gian, khi vẽ quan trọng nhất là diễn tả được cái “thần” của nhân vật. Tranh dân gian đã làm được điều đó. Các nhân vật mặc dù chưa đúng tỷ lệ, giải phẫu tạo hình... nhưng lại rất sống động trong dáng, trong tâm trạng, tính cách của từng người, không ai lẫn với ai.

Tất cả các yếu tố hình, dáng, đường nét, màu sắc, bố cục đã tạo nên vẻ đẹp cho tranh dân gian Việt Nam. Cái đẹp ở đây là cái đẹp hài hòa, cân đối của các yếu tố ngôn ngữ tạo hình, mang theo nét hồn hậu, mộc mạc của làng quê; vẻ tao nhã, nhẹ nhàng, thanh lịch của thành thị; vẻ chân chất của miền núi,... Kỹ thuật là phong cách, là giá trị thẩm mỹ, tư tưởng thoát ra từ các nhân vật, hình tượng trong tác phẩm. Mỗi dân tộc, vùng miền có những quan niệm thẩm

mỹ và sự sáng tạo khác nhau. điều đó sẽ tạo nên những nét độc đáo riêng biệt cho từng dòng tranh của từng dân tộc trên thế giới.

Tranh dân gian Việt Nam có vẻ đẹp của hình thức nghệ thuật, màu sắc tươi sáng, bố cục cô đọng, dễ hiểu. Hình thức đó chuyển tải nhiều nội dung chất lọc từ cuộc sống hiện thực, từ những mơ ước của con người về hạnh phúc đầm ấm trong gia đình, sự bình yên thịnh trị của xã hội. Cách tạo hình hồn nhiên trong sáng, cốt tạo nên vẻ đẹp đặc sắc, độc đáo cho tranh dân gian Việt Nam. Với giá trị nội dung và nghệ thuật mang đậm chất dân gian, diễn tả được cái hồn dân tộc, tranh dân gian Việt Nam có sức hấp dẫn đặc biệt và mang tính giáo dục cao. Điều này đã tạo nên sức sống mãnh liệt cho dòng tranh này, để lại trong kho tàng mỹ thuật Việt Nam những tác phẩm vô cùng quý giá. Không những thế nó còn là những bài học cho các thế hệ sau về mối tương quan giữa nét và mảng, hình và màu, mảng trống và đặc... trong tranh. Cách tạo hình ước lệ trong tranh đã gọi nguồn cảm hứng sáng tạo cho các nghệ sĩ tạo hình để sáng tạo ra những tác phẩm mỹ thuật vừa hiện đại vừa dân tộc, đưa mỹ thuật Việt Nam hoà nhập với mỹ thuật thế giới mà vẫn giữ được bản sắc riêng. Đó chính là tính Chân - Thiện - Mỹ mà tranh dân gian Việt Nam đã thể hiện thành công và tồn tại đến bây giờ.

3. KẾT LUẬN

Tranh dân gian Việt Nam có tính Chân

- Thiện - Mỹ đó là vẻ đẹp của hình thức nghệ thuật, màu sắc tươi tắn, đường nét trong tranh dân gian hết sức tinh tế, bố cục cô đọng và khái quát. Các nghệ sĩ dân gian lăn lộn trong cuộc sống, thấu hiểu và khắc hoạ đậm nét về người, vật thần thánh trong tâm trí, nên họ có sẵn những hình ảnh chuẩn. Vì vậy, khi vẽ theo lối nhập thần, các hình kéo từ trong đầu ra giấy đã thoả mãn được tâm sinh lý người thưởng thức, lưu ý mọi người tập trung vào đặc điểm và bản chất đối tượng.

Ngày nay, trong xu thế tìm về cội nguồn, tranh dân gian là một tài sản quý giá trong kho tàng văn hoá nước nhà, nó đang được quan tâm về mọi mặt để tiếp tục toả sáng những giá trị nghệ thuật trong đời sống xã hội đương đại, đó là ý nghĩa và cũng chính là sự tác động của tranh dân gian đối với đời sống xã hội cũng như sự giáo dục, kế thừa, phát triển, tiếp biến trong đời sống hiện nay (nhiều nghệ sĩ hiện nay đã đưa tranh dân gian vào mỹ thuật đương đại, có ảnh hưởng ở Việt Nam và vươn ra thế giới, nhiều dòng tranh khác cũng kế thừa và phát triển từ tranh dân gian như: tranh tre, tranh gạo, tranh lá, tranh gỗ, đá...). Qua đó, phải khẳng định rằng ngày nay tranh dân gian Việt Nam là cầu nối đưa mỹ thuật Việt Nam hoà nhập với mỹ thuật thế giới nhưng vẫn giữ và xây dựng nền nghệ thuật đậm đà bản sắc dân tộc, như nó đã toả sáng trong quá khứ dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lâm Vinh (2002), *Mỹ học (về cái đẹp - về nghệ thuật - về con người)*, NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [2] Phạm Thị Chinh (2004), *Lịch sử mỹ thuật Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng (1989), *Mỹ thuật của người Việt*, NXB Mỹ thuật.
- [4] Chu Quang Trứ, Phạm Thị Chinh, Nguyễn Thái lai (1998), *Lược sử Mỹ thuật và mỹ thuật học*, NXB Giáo dục.
- [5] Trịnh Quang Vũ (2002), *Lược sử mỹ thuật Việt Nam*. NXB Văn hoá thông tin./.

Liên hệ:

ThS. Nguyễn Đại Thắng

Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường Đại học Quảng Bình

Địa chỉ: 18 Nguyễn Văn Linh, Đồng Hới, Quảng Bình

Email: daithangdhqb@gmail.com

Ngày nhận bài: 5/6/2023

Ngày gửi phản biện: 7/6/2023

Ngày duyệt đăng: 20/5/2024